

Bản án số: 13/2021/HS-ST
Ngày: 18 - 3 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Tú.
- *Thẩm phán:* Ông Lê Vũ Tiến.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Bà Nguyễn Phước Như Ý.
 - + Ông Dương Quốc Tuấn.
 - + Ông Nguyễn Văn Thạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nhân Đức, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trần Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (số N đường TĐT, thành phố H), xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 79/2020/TLST-HS ngày 01/12/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HS ngày 20/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 02/02/2021, đối với:

Bị cáo Trần Văn S, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2000, tại tỉnh Thừa Thiên Huế, nơi cư trú: Thôn M, xã P, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: Không; con ông Trần T, con bà Huỳnh Thị H; vợ, con: Chưa có; quá trình nhân thân: Nhỏ sống với cha mẹ, đi học hết lớp 09/12 thì nghỉ học vào thành phố Hồ Chí Minh học nghề đóng giày. Năm 2019, trở về sinh sống cùng gia đình tại thôn M, xã P, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 21/3/2020, tạm giam ngày 30/3/2020, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn S:* Ông Nguyễn Đình H, Luật sư của Văn phòng Luật sư TH thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế, địa chỉ: Số 47 VTS, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số 65 T, khóm TK, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt

- *Người làm chứng:*

+ Ông Văn Khắc Ch, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số M đường HMT, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt

+ Ông Phạm Thành C, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ P, Khu vực P1, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Văn S bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 20/3/2020, Trần Văn S điện thoại vào số 035.453.XXXX của một đối tượng tên “Th” (không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể) hỏi mua 50 viên ma túy hồng phiên với giá 1.500.000 đồng để sử dụng. Cả hai hẹn gặp nhau tại ngã ba PVD - Quốc lộ B, thành phố H để giao dịch, mua bán. Sau khi mua bán xong thì “Th” nhờ S cất giấu một hộp nhựa có chữ “Celano”, bên trong có chứa ma túy. Toàn bộ số ma túy trên S cất giấu trong người, điều khiển xe mô tô Excier RC không có biển số chạy đi. Đến khoảng 19 giờ 40 phút cùng ngày, khi S đi đến trước quán cà phê V trên đường ĐPT, lô Đ, khu quy hoạch V, phường V, thành phố H thì bị Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố H phát hiện, bắt giữ. Trong quá trình bắt giữ, S bị ngã xe và toàn bộ số ma túy S cất giấu trong người rơi ra, nằm bên cạnh chỗ S ngã.

Cơ quan Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với S, đồng thời niêm phong, tạm giữ toàn bộ số ma túy của S, bao gồm: 01 túi ni lông màu trắng bên trong có chứa 50 viên nén màu đỏ (được niêm phong, ký hiệu A1); một hộp nhựa có chữ “Celano” bên trong có chứa 06 túi ni lông màu trắng, viên đỏ chứa tất cả 650 viên nén màu đỏ và 07 viên nén màu xanh, 09 túi ni lông màu trắng viên đỏ bên trong đều chứa tinh thể rắn màu trắng, 01 túi ni lông màu trắng viên đỏ trong có chứa 03 viên nén màu hồng và 01 gói ni lông màu trắng bên trong có chứa chất bột màu hồng (đều được niêm phong, ký hiệu A2).

Tại bản kết luận giám định số 177/GĐ ngày 25/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận:

- 50 viên nén đều có dạng hình trụ màu đỏ trong phong bì niêm phong ký hiệu A1 gửi giám định có tổng khối lượng là 4,9317g là ma túy, loại Methamphetamine;

- 196 viên nén đều có dạng hình trụ màu đỏ trong phong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định có tổng khối lượng là 19,3372g là ma túy, loại Methamphetamine;

- 01 viên nén có dạng hình trụ màu xanh trong phong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định có tổng khối lượng là 0,1032g là ma túy, loại Methamphetamine;

- 146 viên nén đều có dạng hình trụ màu đỏ trong phong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định có tổng khối lượng là 14,5234g là ma túy, loại Methamphetamine;

- 03 viên nén có dạng hình trụ màu xanh trong phong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định có tổng khối lượng là 0,2791g là ma túy, loại Methamphetamine;

- 100 viên nén đều có dạng hình trụ màu đỏ trong phong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định có tổng khối lượng là 9,8932g là ma túy, loại Methamphetamine;

- 01 viên nén có dạng hình trụ màu xanh trong phong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định có tổng khối lượng là 0,0981g là ma túy, loại Methamphetamine;

- 109 viên nén đều có dạng hình trụ màu đỏ trong phong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định có tổng khối lượng là 10,8152g là ma túy, loại Methamphetamine;

- 01 viên nén có dạng hình trụ màu xanh trong phong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định có tổng khối lượng là 0,0873g là ma túy, loại Methamphetamine;

- 89 viên nén đều có dạng hình trụ màu đỏ trong phong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định có tổng khối lượng là 8,8420g là ma túy, loại Methamphetamine;

- 01 viên nén có dạng hình trụ màu xanh trong phong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định có tổng khối lượng là 0,0946g là ma túy, loại Methamphetamine;

- 10 viên nén đều có dạng hình trụ màu đỏ trong phong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định có tổng khối lượng là 0,9633g là ma túy, loại Methamphetamine;

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định, có tổng khối lượng 24,6966g là ma túy, loại Methamphetamine;

- Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định, có tổng khối lượng 44,8820g là ma túy, loại Ketamine;

- 03 viên nén đều màu hồng, không rõ hình dạng trong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định có tổng khối lượng 0,7874g là ma túy, loại MDMA;

- Chất bột màu hồng, trong bì niêm phong A2 gửi giám định có tổng khối lượng 2,3187g là ma túy, loại MDMA.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, IMEI: 0357704106444595;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu đen, model: A1778 FCCID: BCGE3091AIC:579C-E3091A;

- 01 hộp nhựa trên hộp có chữ Celano;

- 01 xe mô tô Excier RC, màu sơn trắng - đỏ, không có biển kiểm soát, số khung: RLCUG101OKY133991, số máy: G3D4E-900423;

- 01 gói niêm phong chất ma túy bằng giấy trắng và băng keo, bên ngoài gói niêm phong có hai chữ ký ghi họ tên giám định viên TN, 02 chữ ký của Điều tra viên VPS, 02 dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và dòng chữ “hoàn mẫu vật vụ Trần Văn S, bắt ngày 20/3/2020”.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKS-P1 ngày 30/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Trần Văn S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế luận tội giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố, xác định bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm h khoản 4 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Văn S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, xử phạt bị cáo Trần Văn S từ 12 năm tù đến 13 năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 21/3/2020. Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý: tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia, IMEL1: 357704106444595 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu đen, model: A1778FCCID: BCGE3091AIC: 579C-E3091A; tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong chất ma túy bằng giấy trắng và băng keo, bên ngoài gói niêm phong có hai chữ ký ghi họ tên giám định viên TN, 02 chữ ký của Điều tra viên VPS, 02 dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và dòng chữ “hoàn mẫu vật vụ Trần Văn S, bắt ngày 20/3/2020” và 01 hộp nhựa trên hộp có chữ “Celano”; trả lại cho bà Nguyễn Thị K 01 xe mô tô Excier RC, màu sơn trắng - đỏ, không có biển kiểm soát, số khung: RLCUG101OKY133991, số máy: G3D4E-900423.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn S trình bày luận cứ bào chữa:* Nhất trí về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo S theo bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo S có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền,

trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội đó phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có cơ sở để kết luận:

[2.1]. Khoảng 19 giờ 40 phút ngày 20 tháng 3 năm 2020, tại trước quán cà phê V trên đường ĐPT, thuộc lô Đ, khu quy hoạch V, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố H phát hiện, bắt quả tang một số lượng lớn ma túy mà bị cáo S đang mang trong người. Qua trưng cầu giám định xác định được theo Kết luận giám định số 177/GĐ ngày 25/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, cụ thể như sau: 94,5549g ma túy, loại Methamphetamine; 3,1061g ma túy, loại MDMA; 44, 8820g ma túy, loại Ketamine.

[2.2]. Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *“Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thì phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”*. Bị cáo S bị cơ quan Công an phát hiện đang tàng trữ 94,5549g ma túy loại Methamphetamine; 3,1061g ma túy loại MDMA và 44, 8820g ma túy loại Ketamine, các chất ma túy này có khối lượng tương đương với khối lượng chất ma túy quy định tại điểm b và điểm e khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, nên bị cáo S đã phạm vào điểm h khoản 4 Điều 249 của Bộ luật hình sự 2015 *(có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này)*. Do vậy, bản Cáo trạng số 37/CT-VKS-P1 ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Trần Văn S về tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[2.3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đây là vụ án mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng, có khung hình phạt rất nghiêm khắc. Bị cáo Trần Văn S là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy là phạm pháp và sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhưng vì muốn thỏa mãn cơn nghiện của mình, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trái pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy mà còn làm ảnh hưởng rất xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Tệ nạn, tội phạm ma túy từ lâu đã trở thành hiểm họa của loài người, hủy hoại sức khỏe, trí tuệ con người và làm phát sinh các loại tội phạm khác. Do vậy, cần

phải xét xử nghiêm minh và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đảm bảo tác dụng giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng:

Bị cáo Trần Văn S có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra ban đầu bị cáo chưa nhận tội, nhưng tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tội phạm bị cáo thực hiện là loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng có khung hình phạt rất nghiêm khắc là tù chung thân; hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo có thể gây nên những hậu quả không lường trước được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không chấp nhận lời đề nghị của người bào chữa đề nghị áp dụng thêm điểm h và điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

Trong vụ án này, đối với đối tượng tên “Th” là người đã bán trái phép chất ma túy cho bị cáo S và nhờ bị cáo S cất giữ số ma túy đựng trong hộp nhựa “Celano”. Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã tiến hành xác minh, tra cứu số điện thoại 035.543.XXXX từ trung tâm viễn thông nhưng chưa có kết quả, cần tiếp tục điều tra, xác minh để có căn cứ xử lý đối tượng này.

[3]. Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn S phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Trần Văn S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Văn S 14 (mười bốn) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 21/3/2020.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên bố:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia, IMEL1: 357704106444595 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu đen, model: A1778FCCID: BCGE3091AIC:579C-E3091A;

Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong chất ma túy bằng giấy trắng và băng keo, bên ngoài gói niêm phong có hai chữ ký ghi họ tên giám định viên TN, 02 chữ ký của Điều tra viên VPS, 02 dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và dòng chữ “hoàn mẫu vật vụ Trần Văn S, bắt ngày 20/3/2020” và 01 hộp nhựa trên hộp có chữ “Celano”;

Trả lại cho bà Nguyễn Thị K 01 xe mô tô Excier RC, màu sơn trắng - đỏ, không có biển kiểm soát, số khung: RLCUG101OKY133991, số máy: G3D4E-900423;

Vật chứng được xác định theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 05/01/2021.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo Trần Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị K vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng PV27- CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo S;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Tổ hành chính tư pháp, Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Lưu Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú